SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
Tên đơn vị: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC
Chương: 422

Biểu số: 2
Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số .... /QĐ- CKNTT ngày 14/9/2019 của Trường THPT Nguyễn Trung Trực)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	**0**
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**0**
1	***Chi sự nghiệp giáo dục***	**0**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	**0**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**0**
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-98**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**0**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**0**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	**0**
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**-98**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-98
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**0**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**0**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0**
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0**

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**0**
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**0**
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	Chi quản hành chính	0
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**0**
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**0**
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0**
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**0**
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**0**
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0**
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0**
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**0**
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**0**
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	**0**
1	Chi quản hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**0**
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**0**
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0**
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**0**
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**0**
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0**
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0**
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**0**
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**0**
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Phù Mỹ, Ngày 14 tháng 9 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Mạnh Cường